TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3627/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị E, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã H, huyện I, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Australia; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp 31-10-2018 và các văn bản khác nguyên đơn là anh Hoàng Đình A trình bày: Anh A và chị Phạm Thị E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng ngày 31-12-2015. Sau khi chung sống một thời gian ngắn, chị E sang Úc học tập và sinh sống. Từ khi sang Úc, chị E đã làm thủ tục bảo lãnh cho anh A để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành do cơ quan có thẩm quyền từ chối việc bảo lãnh vì chị E không đảm bảo điều kiện kinh tế. Do không cùng chung sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh A và chị E không còn quan tâm và ngày càng ít liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên anh A xin được ly hôn với chị E.

Tại văn bản ngày 24-10-2018, chị Phạm Thị E xác nhận mối quan hệ giữa chị E và anh A được xác lập như anh A trình bày. Sau khi kết hôn, chị E sang Úc học tập, sinh sống nhưng không thể làm thủ tục bảo lãnh cho anh A vì điều kiện kinh tế không đảm bảo nên cơ quan có thẩm quyền từ chối việc bảo lãnh. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị E không muốn về Việt Nam và anh A không thể sang Úc nên vợ chồng không đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh A có yêu cầu ly hôn, chị E đồng ý.

Về quan hệ nuôi con chung và tài sản chung: Anh A và chị E xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A, chị E vắng mặt, và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị E có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do điều kiện công việc, không thể có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên anh A có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh A, chị E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt anh A, chị E.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng ngày 31-12-2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh A và chị E chung sống được một thời gian ngắn thì chị E sang Úc học tập, sinh sống. Do phải sống xa nhau nên anh A và chị E phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị E không

đủ điều kiện bảo lãnh cho anh A sang Úc đoàn tụ. Chị E không muốn về Việt Nam chung sống cùng anh A. Do phải sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh A và chị E không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn nên cả anh A và chị E đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của anh A và chị E là tự nguyện, phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh A và chị E xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Đình A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình A được ly hôn với chị Phạm Thị E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Anh Hoàng Đình A và chị Phạm Thị E xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Đình A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010890 ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh Hoàng Đình A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án, anh Hoàng Đình A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, chị Phạm Thị E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, quận D, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương